



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN ...: 20.../BNNPTNT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI VẬT THỂ THUỘC DIỆN
KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU**

*National technical regulation on phytosanitary requirements for
imported regulated articles*

HÀ NỘI - 2020

MỤC LỤC

1. QUY ĐỊNH CHUNG	7
1.1 Phạm vi điều chỉnh	7
1.2 Đối tượng áp dụng.....	7
1.3 Tài liệu viện dẫn.....	7
1.4 Giải thích từ ngữ.....	8
2. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU KỸ THUẬT	8
2.1 Yêu cầu về kiểm tra	9
2.2 Yêu cầu về giám định	9
2.3 Yêu cầu về nhiễm sinh vật gây hại	9
3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ	15
4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	16
Phụ lục 1.....	17
Thư mục tài liệu tham khảo	18

Lời nói đầu

QCVN.....:20...../BNNPTNT do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu của Cục Bảo vệ thực vật biên soạn, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trình duyệt, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo Thông tư số...../2020/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2020.

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI VẬT THỂ THUỘC DIỆN
KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU**

National technical regulation on phytosanitary requirements for imported regulated articles

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định về yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu vào Việt Nam.

1.2 Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (sau đây gọi là *vật thể*) vào lãnh thổ Việt Nam.

1.3 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng quy chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố hoặc thay thế thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh đánh giá sự phù hợp.

Thông tư số 35/2014/ TT-BNNPTNT ngày 31/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Thông tư Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

QCVN 01-2: 2009/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xử lý vật liệu đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế.

QCVN 01-141: 2013/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp lấy mẫu kiểm dịch thực vật.

QCVN 01-175: 2014/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình lưu giữ, bảo quản và vận chuyển mẫu trong kiểm dịch thực vật.

TCVN 3937: 2007 Tiêu chuẩn quốc gia về Kiểm dịch thực vật - Thuật ngữ và định nghĩa

Bộ TCVN 12709 Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật.

Bộ TCVN 12195 Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật.

Bộ TCVN 12371 Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây bệnh thực vật.

Bộ TCVN 12194 Quy trình giám định tuyến trùng gây bệnh thực vật.

Bộ TCVN 12372 Quy trình giám định cỏ dại gây hại thực vật.

1.4 Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng các thuật ngữ định nghĩa nêu trong TCVN 3937: 2007 và các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.4.1 Đối tượng kiểm dịch thực vật

sinh vật gây hại có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật, chưa có hoặc có nhưng phân bố hẹp ở Việt Nam và phải được kiểm soát nghiêm ngặt.

1.4.2 Đối tượng phải kiểm soát

sinh vật gây hại không phải là đối tượng kiểm dịch thực vật nhưng sự có mặt của chúng trên vật liệu dùng để làm giống có nguy cơ gây thiệt hại lớn về kinh tế, phải được kiểm soát ở Việt Nam.

1.4.3 Sinh vật gây hại lạ

sinh vật gây hại chưa xác định được tên khoa học và chưa từng được phát hiện ở Việt Nam.

1.4.4 Kiểm dịch thực vật

hoạt động ngăn chặn, phát hiện, kiểm soát đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát và sinh vật gây hại lạ.

1.4.5 Kiểm tra vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

việc quan sát, lấy mẫu, giám định vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật để xác định tình trạng nhiễm sinh vật gây hại hoặc sự tuân thủ quy định về kiểm dịch thực vật.

1.4.6 Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

thực vật, phương tiện sản xuất, bảo quản, vận chuyển hoặc các vật thể khác có khả năng mang theo đối tượng kiểm dịch thực vật.

1.4.7 Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam gồm:

- a) Cây và các bộ phận còn sống của cây.
- b) Củ, quả tươi.
- c) Cỏ và hạt cỏ.
- d) Sinh vật có ích sử dụng trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.
- e) Thực vật nhập khẩu phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam.
- f) Các vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khác có nguy cơ cao mang theo đối tượng kiểm dịch thực vật do Cục Bảo vệ thực vật xác định và báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định.

1.4.6 Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu

văn bản pháp lý cho phép nhập khẩu vật thể phù hợp với các yêu cầu kiểm dịch thực vật theo quy định.

2. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

2.1 Yêu cầu về kiểm tra

Việc kiểm tra lô vật thể thuộc diện kiểm dịch vật nhập khẩu thực hiện như sau:

2.1.1 Kiểm tra sơ bộ

Kiểm tra chính thức bằng cảm quan bên ngoài lô vật thể, bao bì đóng gói, phương tiện chuyên chở; khe, kẽ và những nơi sinh vật gây hại có thể ẩn nấp; thu thập côn trùng bay, bọ hoặc bóm bên ngoài lô vật thể.

2.1.2 Kiểm tra chi tiết

Kiểm tra bên trong và lấy mẫu lô hàng theo quy định tại QCVN 01-141:2013/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp lấy mẫu kiểm dịch thực vật; thu thập các vật thể mang triệu chứng bị hại và sinh vật gây hại; phân tích giám định mẫu vật thể, sinh vật gây hại đã thu thập được.

2.2 Yêu cầu về giám định

Phương pháp giám định như sau:

TT	Nội dung	Phương pháp giám định
1	Giám định côn trùng và nhện	Bộ TCVN 12709 Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật
2	Giám định nấm	Bộ TCVN 12195 Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật
3	Giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma	Bộ TCVN 12371 Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây bệnh thực vật
4	Giám định tuyến trùng	Bộ TCVN 12194 Quy trình giám định tuyến trùng gây bệnh thực vật
5	Giám định cỏ dại	Bộ TCVN 12372 Quy trình giám định cỏ dại gây hại thực vật

2.3 Yêu cầu về nhiễm sinh vật gây hại

Căn cứ vào kết quả kiểm tra và giám định, yêu cầu về nhiễm sinh vật gây hại trên lô vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu như sau:

2.3.1 Không có sinh vật gây hại trong Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành qua từng thời kỳ (Bảng 1);

CHÚ THÍCH: Đối tượng kiểm dịch thực vật áp dụng theo quy định tại Điều 25 của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 35/2014/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2014 (Qua từng thời kỳ sẽ áp dụng phiên bản mới nhất).

Bảng 1: Mức giới hạn tối đa cho phép đối với đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam trên lô vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Giới hạn
A. Côn trùng			
1	Sâu thép	<i>Agriotes lineatus</i> (Linnaeus)	0
2	Ruồi đục quả Nam Mỹ	<i>Anastrepha fraterculus</i> (Wiedemann)	0
3	Ruồi đục quả Mê-hi-cô	<i>Anastrepha ludens</i> (Loew)	0
4	Ruồi đục quả Tây Ấn	<i>Anastrepha obliqua</i> (Macquart)	0
5	Ruồi đục quả hồng xiêm	<i>Anastrepha serpentina</i> (Wiedemann)	0
6	Ruồi đục quả ổi	<i>Anastrepha striata</i> (Schiner)	0
7	Bọ đầu dài hại bông	<i>Anthonomus grandis</i> (Boheman)	0
8	Ruồi đục quả sọc trắng	<i>Bactrocera albistrigata</i> (de Meijere)	0
9	Ruồi đục quả bầu bí	<i>Bactrocera depressa</i> (Shiraki)	0
10	Ruồi đục quả Queensland	<i>Bactrocera tryoni</i> (Froggatt)	0
11	Ruồi đục quả Nhật Bản	<i>Bactrocera tsuneonis</i> (Miyake)	0
12	Bọ trĩ hại đậu	<i>Caliothrips fasciatus</i> (Pergande)	0
13	Ngài đục quả đào	<i>Carposina sasakii</i> (Matsumura)	0
14	Mọt lạch serratus	<i>Caryedon serratus</i> (Olivier)	0
15	Mọt to vòi	<i>Caulophilus oryzae</i> (Gyllenhal)	0
16	Ruồi đục quả Địa Trung Hải	<i>Ceratitis capitata</i> (Wiedemann)	0
17	Ruồi đục quả xoài	<i>Ceratitis cosyra</i> (Karsch)	0
18	Ruồi đục quả Rhodesia	<i>Ceratitis quinaria</i> (Bezzi)	0
19	Ruồi đục quả Natal	<i>Ceratitis rosa</i> (Karsch)	0
20	Vòi voi đục quả mận	<i>Conotrachelus nenuphar</i> (Herbst)	0
21	Ngài hại sồi dẻ	<i>Cydia latiferreana</i> (Walsingham)	0
22	Ngài đục quả óc chó	<i>Cydia pomonella</i> (Linnaeus)	0

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Giới hạn
23	Rệp sáp vảy San Jose'	<i>Diaspidiotus perniciosus</i> (Comstock) Danzig	0
24	Bọ cánh cứng hại rễ bầu bí	<i>Diabrotica speciosa</i> (Germar)	0
25	Ruồi giấm cánh đốm	<i>Drosophila suzukii</i> (Matsumura)	0
26	Ngài táo	<i>Epiphyas postvittana</i> (Walker)	0
27	Ruồi hại củ hành	<i>Eumerus strigatus</i> (Fallén)	0
28	Bọ đầu dài viền trắng	<i>Graphognathus leucoloma</i> (Boheman)	0
29	Ngài đục quả mận	<i>Grapholita funebrana</i> (Treitschke)	0
30	Ngài hại quả phượng Đông	<i>Grapholita molesta</i> (Busck)	0
31	Ngài hại quả anh đào	<i>Grapholita packardi</i> (Zeller)	0
32	Ngài hại mận	<i>Grapholita prunivora</i> (Walsh)	0
33	Bọ hung đen Châu Phi	<i>Heteronychus arator</i> (Fabricius)	0
34	Ngài trắng Mỹ	<i>Hyphantria cunea</i> (Drury)	0
35	Bọ Colorado hại khoai tây	<i>Leptinotarsa decemlineata</i> (Say)	0
36	Rệp sáp vảy đen Ross	<i>Lindingaspis rossi</i> (Maskell)	0
37	Sâu róm rừng	<i>Malacosoma parallela</i> (Staudinger)	0
38	Ngài cải bắp	<i>Mamestra brassicae</i> (Linnaeus)	0
39	Ruồi phorid hại nấm	<i>Megaselia halterata</i> (Wood)	0
40	Bọ hung viền trắng	<i>Melolontha melolontha</i> (Linnaeus)	0
41	Bọ đầu dài hại mía Tây Ấn	<i>Metamasius hemipterus</i> (Linnaeus)	0
42	Muỗi năn hại nấm	<i>Mycophila speyeri</i> (Barnes)	0
43	Mọt lạc pallidus	<i>Pachymerus pallidus</i> (Olivier)	0
44	Vòi voi hại nho	<i>Phlyctinus callosus</i> (Schoenherr)	0
45	Ngài củ khoai tây	<i>Phthorimaea operculella</i> (Zeller)	0
46	Sâu cuốn lá ăn tạp	<i>Platynota stultana</i> (Walsingham)	0

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Giới hạn
47	Bọ hung Nhật Bản	<i>Popillia japonica</i> (Newman)	0
48	Mọt đục hạt lớn	<i>Prostephanus truncatus</i> (Horn)	0
49	Ruồi đục quả táo	<i>Rhagoletis pomonella</i> (Walsh)	0
50	Vòi voi hại đào	<i>Rhynchites heros</i> (Roelofs)	0
51	Bọ trĩ cam Nam Phi	<i>Scirtothrips aurantii</i> (Faure)	0
52	Rệp sáp vảy đỏ Tây Ấn	<i>Selenaspidus articulatus</i> (Morgan)	0
53	Sâu đục thân mía cretica	<i>Sesamia cretica</i> (Lederve)	0
54	Mọt thóc	<i>Sitophilus granarius</i> (Linnaeus)	0
55	Vòi voi đục hạt xoài	<i>Sternochetus mangiferae</i> (Fabricius)	0
56	Sâu đục thân cà chua	<i>Symmetrischema tangolias</i> (Gyen)	0
57	Ngài hại quả	<i>Thaumatotibia leucotreta</i> (Meyrick)	0
58	Mọt cứng đốt	<i>Trogoderma granarium</i> (Everts)	0
59	Mọt da vết thận	<i>Trogoderma inclusum</i> (LeConte)	0
60	Mọt da ăn tạp	<i>Trogoderma variabile</i> (Ballion)	0
61	Mọt đậu Mê-hi-cô	<i>Zabrotes subfasciatus</i> (Boheman)	0
B. NHỆN			
62	Nhện đỏ Chi-lê	<i>Brevipalpus chilensis</i> (Baker)	0
63	Nhện xanh hại sắn	<i>Mononychellus tanajoa</i> (Bondar)	0
64	Nhện nhỏ Thái Bình Dương	<i>Tetranychus pacificus</i> (McGregor)	0
C. NẤM			
65	Bệnh cây hương lúa	<i>Balansia oryzae - sativae</i> Hashioka	0
66	Bệnh thối khô củ khoai tây	<i>Boeremia foveata</i> (Foister) Aveskamp, Gruyter & Verkley	0
67	Bệnh nấm cựa gà cao lương	<i>Claviceps africana</i> Frederickson, Mantle & De Milliano	0
68	Bệnh thối trắng hoa trà	<i>Ciborinia camelliae</i> Kohn	0

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Giới hạn
69	Bệnh thối loét cây dẻ	<i>Cryphonectria parasitica</i> (Murrill) Barr	0
70	Bệnh thối đen quả nho	<i>Guignardia bidwellii</i> (Ellis) Viala & Ravaz	0
71	Bệnh cháy lá cao su Nam Mỹ	<i>Microcyclus ulei</i> (Henn.) Arx	0
72	Bệnh đốm lá cà phê Châu Mỹ	<i>Mycena citricolor</i> (Berk. & Curtis) Sacc.	0
73	Bệnh khô cành cam quýt	<i>Phoma tracheiphila</i> (Petri) Kantachveli & Gikachvili	0
74	Bệnh thối rễ bông	<i>Phymatotrichopsis omnivora</i> (Duggar) Hennebert	0
75	Bệnh thối quả bông	<i>Phytophthora boehmeriae</i> Sawada	0
76	Bệnh đốm củ khoai tây	<i>Polyscytalum pustulans</i> (M.N. Owen & Makef) M.B. Ellis	0
77	Bệnh rỉ sắt bạch đàn	<i>Puccinia psidii</i> G. Winter	0
78	Bệnh ung thư khoai tây	<i>Synchytrium endobioticum</i> (Schilb.) Percival	0
79	Bệnh than đen lúa mì	<i>Tilletia indica</i> Mitra	0
80	Bệnh chết héo bông	<i>Verticillium albo-atrum</i> Reinke & Berthold	0
D. VI KHUẨN			
81	Bệnh vi khuẩn thối loét quả cà chua	<i>Clavibacter michiganensis</i> subsp. <i>michiganensis</i> (Smith) Davis	0
82	Bệnh vi khuẩn héo rũ ngô	<i>Pantoea stewartii</i> (Smith) Mergaert	0
83	Bệnh vi khuẩn đốm lá cà phê	<i>Pseudomonas syringae</i> pv. <i>garcae</i> Young et al.	0
84	Bệnh vi khuẩn rụng lá nho	<i>Xylella fastidiosa</i> Wells et al.	0
E. VI RÚT, VIROID			
85	Bệnh virus khảm lá cỏ linh lăng	<i>Alfalfa mosaic virus</i>	0
86	Bệnh virus đốm hình nhẫn cà phê	<i>Coffee ringspot virus</i>	0
87	Bệnh virus sọc lá lạc	<i>Peanut stripe virus</i>	0

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Giới hạn
88	Bệnh virus đốm tròn quả mận	<i>Plum pox virus</i>	0
89	Bệnh viroid củ khoai tây hình thoi	<i>Potato spindle tuber viroid</i>	0
F. TUYẾN TRÙNG			
90	Tuyến trùng hại hoa cúc	<i>Aphelenchoides ritzemabosi</i> (Schwartz) Steiner & Buhrer	0
91	Tuyến trùng gây héo thông	<i>Bursaphelenchus xylophilus</i> (Steiner & Buhrer) Nickle	0
92	Tuyến trùng tiêm đọt sắn lúa	<i>Ditylenchus angustus</i> (Butler) Filipjev	0
93	Tuyến trùng gây thối củ	<i>Ditylenchus destructor</i> Thorne	0
94	Tuyến trùng thân	<i>Ditylenchus dipsaci</i> (Kuhn) Filipjev	0
95	Tuyến trùng bào nang khoai tây	<i>Globodera pallida</i> (Stone) Behrens	0
96	Tuyến trùng bào nang ánh vàng khoai tây	<i>Globodera rostochiensis</i> (Wollenweber) Behrens	0
97	Tuyến trùng nốt sần rễ chitwoodi	<i>Meloidogyne chitwoodi</i> Golden, O'Bannon, Santo & Finley	0
98	Tuyến trùng nốt sần rễ ethiopica	<i>Meloidogyne ethiopica</i> Whitehead	0
99	Tuyến trùng nốt sần rễ fallax	<i>Meloidogyne fallax</i> Karssen	0
100	Tuyến trùng nốt sần rễ hapla	<i>Meloidogyne hapla</i> Chitwood	0
101	Tuyến trùng giả nốt sần	<i>Nacobbus aberrans</i> (Thorne) Thorne & Allen	0
102	Tuyến trùng đục thân, củ	<i>Radopholus similis</i> (Cobb) Thorne	0
103	Tuyến trùng thối thân, rễ cọ dầu, dừa	<i>Rhadinaphelenchus cocophilus</i> (Cobb) Goodey	0
G. CỎ DẠI			
104	Cây kế đồng	<i>Cirsium arvense</i> (L.) Scop.	0
105	Tơ hồng Nam	<i>Cuscuta australis</i> R. Br.	0
106	Tơ hồng Trung Quốc	<i>Cuscuta chinensis</i> Lam.	0

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Giới hạn
107	Cỏ chổi Ai Cập	<i>Orobanche aegyptiaca</i> Pers.	0
108	Cỏ chổi hoa rủ	<i>Orobanche cernua</i> Loefl.	0
109	Cỏ chổi hoa sò	<i>Orobanche crenata</i> Forssk.	0
110	Cỏ chổi ramosa	<i>Orobanche ramosa</i> L.	0
111	Cỏ ma kí sinh angustifolia	<i>Striga angustifolia</i> (D. Don) C. J. Saldanha	0
112	Cỏ ma ký sinh asiatica	<i>Striga asiatica</i> (L.) Kuntze	0
113	Cỏ ma kí sinh densiflora	<i>Striga densiflora</i> (Benth.) Benth.	0
114	Cỏ ma kí sinh hermonthica	<i>Striga hermonthica</i> (Del.) Benth.	0

CHÚ THÍCH: Giới hạn “0”: Không phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật trên mẫu thu thập và lấy từ lô vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu.

2.3.2 Không có sinh vật gây hại trong Danh mục đối tượng phải kiểm soát do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành theo từng thời kỳ;

CHÚ THÍCH: Đối tượng phải kiểm soát áp dụng theo quy định tại Điều 25 của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật kể từ khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

2.3.3 Không có sinh vật gây hại lạ.

2.4 Lưu giữ, bảo quản và vận chuyển mẫu

Việc lưu giữ, bảo quản và vận chuyển mẫu thực hiện theo QCVN 01-175: 2014/BNNPTNT.

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1 Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu phải thực hiện kiểm dịch thực vật theo quy định tại Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật và các văn bản hướng dẫn Luật.

3.2 Yêu cầu về hồ sơ

3.2.1 Có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan có thẩm quyền về kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu cấp;

3.2.2 Có Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu do cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở trung ương của Việt Nam cấp (đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam).

CHÚ THÍCH: Mẫu Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu áp dụng theo quy định tại Thông tư số 43/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Qua từng thời kỳ sẽ áp dụng phiên bản mới nhất).

3.3 Yêu cầu về bao bì đóng gói

Bao bì, vật liệu bằng gỗ sử dụng để đóng gói vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu phải được xử lý theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-2: 2009/BNNPTNT.

3.4 Việc giám định sinh vật gây hại trên vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu được thực hiện tại các phòng thí nghiệm về kiểm dịch thực vật đã được đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định tại Nghị định 107/2016/NĐ-CP và được Cục Bảo vệ thực vật kiểm tra, xác nhận đủ năng lực giám định đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát.

3.5 Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu bị nhiễm sinh vật gây hại quy định tại Mục 2.3 thì sẽ phải xử lý theo quy định của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Lệnh giữ lại và xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật theo mẫu quy định tại *Phụ lục 1* ban hành kèm theo Quy chuẩn này.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1 Cục Bảo vệ thực vật, các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải tuân thủ quy định tại Quy chuẩn này.

4.2 Cục Bảo vệ thực vật có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này.

4.3 Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn viện dẫn tại Quy chuẩn này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

Phụ lục 1

(Quy định)

Lệnh giữ lại và xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN – Tiếng Việt)
 (TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN – Tiếng Anh)
(TÊN CƠ QUAN KDTV– Tiếng Việt)
 (TÊN CƠ QUAN KDTV – Tiếng Anh)

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam
 Socialist Republic of Vietnam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Lệnh giữ lại và xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật
unloaded ceasing and treating order of the regulated article

Số: /KDTV
No:

Kính gửi:

To:

Căn cứ vào Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tình trạng nhiễm sinh vật gây hại của vật thể dưới đây:

According to the Law on Plant Protection and Quarantine of the Socialist Republic of Vietnam and the pest - infested state of the under discribed regulated article:

- Tên vật thể bị nhiễm sinh vật gây hại (hàng hoá, kho hoặc phương tiện chuyên chở) (1)
Name of regulated article (commodity, store or means of conveyance) (1)
- Số lượng: Khối lượng:
Quantity: Weight:
- Tên và địa chỉ chủ hàng:
 (Người xuất khẩu, thủ kho hoặc chủ phương tiện chuyên chở) (2)
Name and adress of Owners of regulated article :
(Exporter, store-keeper or owner of means of conveyance) (2):
- Tên và địa chỉ người nhận :
Name and address of consignee:
- Phương tiện chuyên chở Quốc tịch:.....
Means of conveyance Nationality
- Bị nhiễm sinh vật gây hại thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đối tượng phải kiểm soát hoặc sinh vật gây hại lạ, cụ thể là:
Infested by regulated pests of the Socialist Republic of Vietnam and other dangerous pests, concretely as follow(s)
- Nay quyết định biện pháp xử lý lô vật thể đó như sau:
Treatment measures must be applied to the regulated article as follow:
- Xông hơi khử trùng (*Fumigation*)
 Thuốc khử trùng và nồng độ (*Fumigant and concentration*) : Địa điểm khử trùng (*Place of fumigation*):
 Thời gian: Quy định sau khử trùng (*Regulations after fumigation*):
Duration of exposure
- Tái xuất (*Re-export*):..... Thời gian:
- Tiêu hủy (*Destroy*):..... Thời gian:
- Biện pháp khác (*Other*);..... Thời gian:

Ngày : ____ / ____ / ____
 Date :

Nơi nhận :
To :

Thủ trưởng cơ quan kiểm dịch thực vật
Chief of Plant Quarantine Service
(Ký tên, đóng dấu)
(Name, signature, stamp)

(1), (2) Chữ nào không dùng thì xoá đi

Thư mục tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 30/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.
2. Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
3. Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
4. Thông tư số 43/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số nội dung về xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng, giống vật nuôi, nguồn gen cây trồng; nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật và nhập khẩu vật thể trong Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.